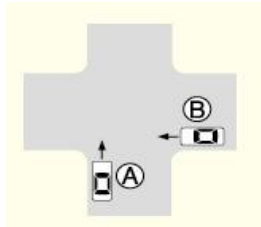


自動車（じどうしゃ）のドアは、力（ちから）を入（い）れて一気に強（いっ）きに強（つよ）く閉（し）める。
Cửa xe ô tô nên được đóng chặt một cách mạnh mẽ bằng cách áp dụng lực vào.



この図（ず）のような交通整理（こうつうせいり）の行われていない道幅（みちはば）が同じ交差点（こうさてん）においては、A車はB車の通行（つうこう）を妨（さ）げてはならない。

Trong trường hợp đường không được điều chỉnh giao thông như hình vẽ này, tại cùng một giao lộ, xe A không được cản trở sự thông xe của xe B.

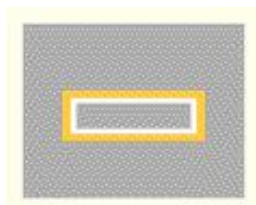


この標識（ひょうしき）は、原動機付自転車（げんどうきつきじてんしゃ）、軽車両（けいしゃりょう）を除く、車両（しゃりょう）の通行止め（つうこうど）を表（あらわ）している。

Biển báo này đại diện cho việc cấm xe cơ giới kèm theo đạp xe (げんどうきつきじてんしゃ) và xe nhẹ (けいしゃりょう) đi qua, tượng trưng cho việc cấm thông xe (つうこうど) của các phương tiện (しゃりょう).

運転者（うんてんしゃ）が疲（つか）れていても、停止（ていし）距離（きょり）が長（なが）くなるようなことはない。

Dù người lái xe mệt mỏi, nhưng không có chuyện khoảng cách dừng lại trở nên dài hơn.



この標示（ひょうじ）は、「立（た）ち入（い）り禁止部分（きんしぶぶん）」の道路標示（どうろひょうじ）である。

Biển chỉ này là biển "Khu vực cấm vào" trên đường.

車（くるま）はみだりに進路（しんろ）を変更（へんこう）してはならない。また、進路（しんろ）を変更（へんこう）すると、後ろからくる車が急ハンドルや急ブレーキでさけなければならないような場合（ばあい）には、進路（しんろ）を変更（へんこう）してはいけない。

Xe không được thay đổi hướng di chuyển một cách vô ý. Ngoài ra, trong trường hợp phải thay đổi hướng di chuyển nhưng xe phía sau phải tránh bằng cách đánh lái hoặc phanh gấp, thì không được thay đổi hướng di chuyển.

交差点（こうさてん）において、進行方向（しんこうほうこう）の信号（しんごう）が赤（あか）の点滅（てんめつ）である場合で、安全（あんぜん）であるときには、徐行（じょうこう）して通行（つうこう）することができる。

Tại ngã tư, khi đèn tín hiệu hướng đi（しんごう） trong hướng di chuyển（しんこうほうこう） đang nhấp nháy màu đỏ（あか）, nếu điều kiện an toàn được đảm bảo, bạn có thể tiến đi chậm（じょうこう） và đi qua（つうこう） ngã tư đó.

自動車（じどうしゃ）は、右折（うせつ）しようとするときは、あらかじめできるだけ道路（どうろ）の右端（みぎはし）に寄（よ）り、交差点（こうさてん）の中心（ちゅうしん）のすぐ内側（うちがわ）を徐行（じょうこう）しながら通行（つうこう）しなければならない。（一方（いっぽう）通行（つうこう）の道路（どうろ）を除（のぞ）く。環状交差点（かんじょうこうさてん）は考えないものとする。）

Xe tự động（じどうしゃ） khi muốn rẽ phải（うせつ）, cần tiến sát vào mép phải của đường（みぎはし） và đi qua bên trong ngay bên trong trung tâm của ngã tư（うちがわ） với tốc độ chậm（じょうこう）. (Ngoại trừ đường chỉ cho phép đi một chiều（のぞ）, không xem xét các ngã tư tròn（かんじょうこうさてん）).



この標識（ひょうしき）は、左（ひだり）カーブを表（あらわ）している。Biển báo này biểu thị một cua trái.



この標識（ひょうしき）は、道路外（どうろがい）の施設（しせつ）に入るための左折（させつ）をとまなう横断（おうだん）は禁止（きんし）していない。

Biển báo này không cấm việc băng qua có kèm theo việc rẽ trái để vào khu vực nằm ngoài đường.



この標識（ひょうしき）は、自転車（じてんしゃ）専用（せんよう）道路（どうろ）であることを示（しめ）している。

Biển báo này chỉ ra rằng đường này là đường riêng dành cho xe đạp.

子（こ）どもが一人（ひとり）で歩（ある）いているときは、必（かなら）ず減速（げんそく）して安全（あんぜん）に通行（つうこう）できるようにしなければならない。

Khi trẻ em đang đi bộ một mình, chúng ta phải giảm tốc độ và đảm bảo an toàn trong quá trình di chuyển.



この図（ず）のように、交差点（こうさてん）の手前（てまえ）の車両（しゃりょう）通行（つうこう）帯（たい）が黄（き）の線（せん）で区画（くかく）されているところでは、たとえ右折（うせつ）や左折（させつ）のためであっても、黄（き）の線（せん）をこえて進路（しんろ）を変更（へんこう）してはならない。

Như hình vẽ này cho thấy, tại vị trí trước ngã tư, các làn đường phương tiện thông qua được đánh dấu bằng dải màu vàng. Dù cho là để rẽ phải hoặc rẽ trái, không được vượt qua dải màu vàng và thay đổi hướng di chuyển.



この標識（ひょうしき）は、ロータリーありをあらわしている。

Biển báo này biểu thị sự có hiện diện của vòng xuyên (ロータリーあり).



[二輪車（にりんしゃ）]を[運転中（うんてんちゅう）]、[右折（うせつ）]するため[図（ず）]のような[手（て）]による[合図（あいず）]をした。（[環状交差点（かんじょうこうさてん）]は[考（かんが）]えないものとする）

Lái xe mô tô hai bánh đang di chuyển, thực hiện tín hiệu như trong [hình vẽ], bao gồm đưa tay ra. (Không áp dụng cho các ngã tư vòng).



この標識（ひょうしき）の設置（せっち）されている道路（どうろ）では、見通し（みとお）の良（よ）い道路（どうろ）であれば、はみ出し（で）かたができるだけ少（すく）なくして、遅（おそ）い車両（しゃりょう）を追い越（お）すことができる。

Trên đường được lắp đặt biển báo này, nếu là một con đường có tầm nhìn tốt, người lái xe có thể vượt ra xa càng ít càng tốt và có thể vượt qua các phương tiện chạy chậm.

オートマチック車（しゃ）（四輪車（よんりんしゃ））で上り坂で駐車するときは、チェンジレバーを「L（エル）」にしなければならない。

Khi đỗ xe trên đường dốc bằng xe tự động (loại xe bốn bánh), bạn phải đặt cần gạt sang chế độ "L" (hoặc "1").

片側（かたがわ）が転落（てんらく）のおそれのあるガケになっている狭い道路での行き違いは、ガケ側（がわ）の車（くるま）があらかじめ安全（あんぜん）な場所（ばしょ）に停止（ていし）して、道（みち）を譲（ゆず）るようにする。

Trên đoạn đường hẹp có nguy cơ sụp đổ một phía (かたがわ) đã trở thành hố, việc gặp nhau trên đoạn đường như này yêu cầu phương tiện phía hố (がけがわ) phải dừng lại ở vị trí an toàn trước đó và nhường đường cho phương tiện khác đi qua.



図（ず）のような手（て）による合図（あいず）は、左折（させつ）や左（ひだり）への進路変更（しんろへんこう）の合図（あいず）である。

Biểu tượng như hình vẽ, tín hiệu bằng tay như trên là tín hiệu cho việc rẽ trái hoặc thay đổi làn sang bên trái.

車（くるま）のブレーキのかけ方（かた）は、最初（さいしょ）はできるだけ軽（かる）く踏（ふ）み込（こ）み、そこから必要（ひつよう）な強（つよ）さまで徐々（じょじょ）に踏（ふ）み込（こ）んで速度（そくど）を落（お）とすのがよい。

Cách phanh xe (くるま) là, ban đầu nên đạp nhẹ (かる) phanh và sau đó từ từ đạp mạnh (つよ) theo mức cần thiết để giảm tốc độ (そくど) dần dần.



この標識（ひょうしき）は、歩行者（ほこうしゃ）や遠隔操作型小型車（えんかくそうさがたこがたしゃ）、車両（しゃりょう）、路面電車（ろめんでんしゃ）の通行（つうこう）が禁止（きんし）されている。

Biển báo này cấm đi bộ, xe điều khiển từ xa loại nhỏ, phương tiện giao thông và xe điện trên mặt đường.

白（しろ）や黄（き）のつえを持（も）った人（ひと）やその通行（つうこう）に支障（ししょう）のある高齢者（こうれいしゃ）が通行（つうこう）している場合（ばあい）には、あらかじめその手前（てまえ）で減速（げんそく）しこれらの人（ひと）との間（あいだ）に一定（いってい）の間隔（かんかく）をあけて通行（つうこう）しなければならない。

Trong trường hợp người mang cây gậy màu trắng (しろ) hoặc vàng (き) hoặc người già gặp khó khăn khi di chuyển, ta phải giảm tốc độ từ trước và duy trì một khoảng cách cố định với những người này khi đi qua vùng đó.



この標示（ひょうじ）は、自転車専用道路（じてんしゃせんようどうろ）である。

Đây là biển chỉ dẫn cho đường riêng dành cho xe đạp.

仮免許（かりめんきょ）で練習（れんしゅう）のため車（くるま）の運転（うんてん）をするときは、指導者（しどうしゃ）からの同乗指導（どうじょうしどう）を受けながら運転しなければならないが、第一種運転免許保持者（だいいっしゅうんてんめんきょほじしゃ）が指導者の場合、指導者は、その車を運転することができる免許（めんきょ）を3年以上受けていなければならない。

Khi lái xe để tập luyện với giấy phép tạm thời, bạn phải lái xe trong quá trình nhận hướng dẫn cùng lúc từ người hướng dẫn. Tuy nhiên, trong trường hợp người hướng dẫn là người nắm giữ giấy phép lái xe loại 1, người hướng dẫn phải đã nhận được giấy phép lái xe đó trong ít nhất 3 năm.

アンチロックブレーキシステムを備（そな）えた自動車は、ブレーキを踏（ふ）むと同時（どうじ）にブレーキがきき始（はじ）めるので、空走距離はない。

Xe hơi được trang bị hệ thống phanh chống bó cứng (ABS) sẽ tự động bắt đầu phanh cùng lúc khi bạn đạp vào pedan phanh, do đó không có quãng đường trượt trống.

交通整理（こうつうせいり）が行われていない交差点で、交差する道路が優先道路（ゆうせんどうろ）であるときや、交差する道路の道幅（みちはば）が広いときは、徐行（じょこう）するとともに交差道路（こうさどうろ）を通行（つうこう）する車や路面電車（ろめんでんしゃ）の進行（しんこう）を妨げてはならない。（環状交差点（かんじょうこうさてん）は考えないものとする）

Khi tại các ngã tư chưa được điều tiết giao thông, trong trường hợp đường giao nhau là đường ưu tiên hoặc có độ rộng lớn, chúng ta không được làm trở ngại cho việc di chuyển của các xe và xe điện đường sắt đang di chuyển khi đồng thời cũng phải đi chậm. (Các ngã tư hình vòng không được tính).



この標識（ひょうしき）は、前方（ぜんぽう）の信号（しんごう）が赤色（あかいろ）や黄色（きいろ）であっても、自動車（じどうしゃ）や原動機付自転車（げんどうきつきじてんしゃ）は、歩行者（ほこうしゃ）などまわりの交通（こうつう）に注意（ちゅうい）しながら左折（させつ）することができる。

Biển báo này cho phép ô tô (じどうしゃ) và xe đạp có động cơ gắn trên đó (げんどうきつきじてんしゃ) được rẽ trái (させつ) mà vẫn phải chú ý đến giao thông xung quanh như người đi bộ (ほこうしゃ) dù tín hiệu đèn đang màu đỏ (あかいろ) hoặc vàng (きいろ) ở phía trước (ぜんぽう).

歩行者（ほこうしゃ）のいる安全地帯（あんぜんちたい）のそばを通行（つうこう）するときは、徐行（じょこう）しなければならない。

Khi đi qua khu vực an toàn có người đi bộ, bạn phải giảm tốc độ.

警察官の手信号（けいさつかん）と信号機（しんごうき）の灯火（とうか）の色が異（こと）なるときは、信号機の信号（しんごう）を優先（ゆうせん）する。

Khi tín hiệu tay của cảnh sát và tín hiệu đèn giao thông không giống nhau, tín hiệu của đèn giao thông được ưu tiên.

交差点（こうさてん）やその付近（ふきん）で緊急自動車（きんきゅうじどうしゃ）が近づいてきたときは、交差点を避けて道路の左側（ひだりがわ）により、徐行（じょこう）しなければならない。

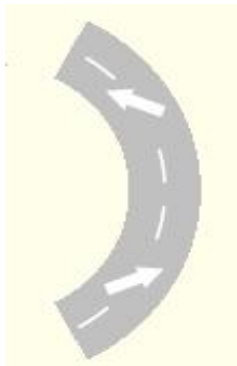
Khi xe cứu thương đến gần khu vực giao lộ (こうさてん) hoặc xung quanh đó, bạn phải tránh vị trí giao lộ và giữ bên trái đường, đi chậm (じょこう).

車（くるま）は道路の中央（ちゅうおう）から右（みぎ）の部分（ぶぶん）にはみ出（だ）して通行（つうこう）することができないが、一方（いっぽう）通行（つうこう）の道路から右折（うせつ）するときだけは道路の中央（ちゅうおう）から右（みぎ）の部分（ぶぶん）にはみ出（だ）して通行（つうこう）することができる。

Xe không thể đi qua phần bên phải, vượt ra khỏi phần trung tâm của đường từ trung tâm (くるま) (ちゅうおう) (みぎ) (ぶぶん) (だ) (つうこう), nhưng chỉ khi rẽ phải từ một đường đi đối diện (いっぽう) (つうこう) (ちゅうおう) (みぎ) (ぶぶん) (だ) (つうこう) thì xe có thể vượt ra khỏi phần trung tâm của đường

上り坂（のぼりざか）で発進（はっしん）するときは、ハンドブレーキは使わず、クラッチ操作（そうさ）だけで発進（はっしん）するのがよい。

Khi khởi động trên dốc (上り坂), tốt nhất là không sử dụng phanh tay mà chỉ sử dụng phanh ly hợp (クラッチ操作) để khởi động.



こう配（こうばい）の急（きゅう）な道路（どうろ）の曲（ま）がり角（かど）付近（ふきん）で、この指示標示（しじひょうじ）があるところでは、必ず中央線（ちゅうおうせん）から右側部分（みぎがわぶぶん）にはみだして通行（つうこう）しなければならない。

Ở gần vùng khúc cua của đường dốc dốc này, tại những nơi có chỉ dẫn như vậy, bạn phải nhất định điều khiển xe để vượt qua phần bên phải từ đường giữa.

車（くるま）の運転者（うんてんしゃ）は、万一（まんいち）の場合（ばあい）に備えて、自動車保険（じどうしゃほけん）に加入（かにゅう）したり、応急救護（おうきゅうきゅうご）に必要な（ひつよう）な知識（ちしき）を身（み）に着（つ）けたり、救急用具（きゅうきゅうようぐ）を車（くるま）に備え付けるなど平素（へいそ）から十分（じゅうぶん）な用意（ようい）をしておかなければならない。

Người lái xe phải chuẩn bị cho trường hợp bất ngờ bằng cách mua bảo hiểm ô tô, trang bị kiến thức cấp cứu cần thiết và có đầy đủ dụng cụ cấp cứu trong xe. Điều này cần được thực hiện đều đặn và chu đáo để đảm bảo sẵn sàng trong mọi tình huống.

左右（さゆう）の見通し（みとお）の悪（わる）い交差点（こうさてん）であっても、信号機（しんごうき）の信号（しんごう）が青（あお）のときで直進（ちよくしん）するときは、徐行（じょこう）しなくてもよい。

Ngay cả khi ở một ngã tư có tầm nhìn kém về cả hai phía, khi đèn tín hiệu giao thông đang chuyển sang màu xanh và bạn muốn tiến thẳng, không cần phải giảm tốc độ.

普通仮免許（ふつかりめんきょ）を受けた者は、道路で原動機付自転車（げんどうきつきじてんしゃ）の運転練習（うんでんれんしゅう）をしてよい。

Người đã nhận được giấy phép lái xe tạm thời thông thường được phép thực hành lái xe máy gắn động cơ trên đường.

交差点付近以外（こうさてんふきんいがい）の場所で緊急自動車（きんきゅうじどうしゃ）が近づいてきたときは、道路形態（どうろけいたい）にかかわらず、必ず左（ひだり）に寄（よ）って進路（しんろ）をゆずらなくてはならない。

Khi xe cứu thương（きんきゅうじどうしゃ） tiến đến gần khu vực ngoại trừ gần ngã tư（こうさてんふきんいがい）， bạn phải luôn chuyển hướng sang trái（ひだり） và nhường đường cho xe cứu thương, bất kể hình dạng đường（どうろけいたい）.

横断歩道（おうだんほどう）または自転車横断帯（じてんしゃおうだんたい）の直前に停止している車があるときは、そのそばを通過して前方に出る前に一時停止（いちじていし）をしなければならない。

Khi có xe đang dừng lại ngay trước vạch vượt qua đường dành cho người đi bộ hoặc vạch vượt đường cho xe đạp, bạn phải dừng lại tạm thời trước khi đi qua phía bên cạnh xe đó và tiếp tục di chuyển về phía trước.

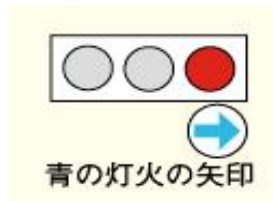


この標示（ひょうじ）のある道路と交差（こうさ）する、前方（ぜんぽう）の道路が優先道路（ゆうせんどうろ）であることをあらわしている。

Biển hiệu này trên đường chỉ ra rằng đường phía trước giao với một đường ưu tiên.

自動車で駐車場（ちゅうしゃじょう）などの道路（どうろ）に面（めん）した場所（ばしょ）へ右折（うせつ）しようとするときは、あらかじめできるだけ道路の中央（ちゅうおう）（一方通行（いっぽうつうこう）の道路（どうろ）では右端（みぎはし））に寄（よ）り、徐行（じょこう）しなければならない。

Khi lái xe ô tô muốn rẽ phải vào vị trí như bãi đỗ xe nằm sát mặt đường, cần tiến gần vào giữa đường (ở đường một chiều, nằm ở mép phải) và phải đi



図（ず）のような青色（あおいろ）の右向き（みぎむき）の灯火（とうか）の矢印（やじるし）は、自動車（じどうしゃ）は停止位置（ていしいち）で一時停止（いちじていし）し、安全確認（あんぜんかくにん）して右折（うせつ）することができる。

Các mũi tên màu xanh như trong hình (ず), chỉ hướng về phía bên phải, cho phép xe ô tô dừng tại vị trí dừng tạm (ていしいち), thực hiện dừng tạm (いちじていし) và tiến hành kiểm tra an toàn trước khi rẽ phải.

左折（させつ）、右折（うせつ）、転回（てんかい）の合図（あいず）の時期は、その行為をしようとする3秒前（びようまえ）である。（環状交差点（かんじょうこうさてん）は考えないものとする）

Thời điểm cho tín hiệu rẽ trái (させつ), rẽ phải (うせつ) và xoay ngược (てんかい) là 3 giây trước khi thực hiện hành động đó. (Không áp dụng cho các giao lộ vòng xuyên - かんじょうこうさてん)



この道路標示（どうろひょうじ）は、転回禁止（てんかいきんし）の始（はじ）まりを示（しめ）している。

Biển báo đường này (どうろひょうじ) chỉ ra điểm bắt đầu của lệnh cấm quay đầu (てんかいきんし).

車（くるま）に乗（の）り降（お）りするときは、周囲（しゅうい）の状況（じょうきょう）、とくに後方（こうほう）からの車（くるま）の有無（うむ）を確（たし）かめ、交通量（こうつうりょう）の多（おお）いところでは左側（ひだりがわ）のドアから乗（の）り降（お）りした方（ほう）がよい。

Khi lên xuống xe (くるま) cần kiểm tra tình huống xung quanh (しゅうい), đặc biệt là sự có mặt của xe từ phía sau (こうほう) và nắm bắt lưu lượng giao thông (こうつうりょう) trong khu vực đông đúc. Ở những nơi có lưu lượng giao thông cao, nên lên xuống từ cánh cửa bên trái (ひだりがわ) là tốt nhất.

通行区分（つうこうぶん）が指定（してい）されている道路（どうろ）であっても、自動車（じどうしゃ）を運転中（うんでんちゅう）に緊急自動車（きんきゅうじどうしゃ）が近（ちか）づいてきたときは、緊急自動車（きんきゅうじどうしゃ）に進路（しんろ）を譲（ゆず）るため他（た）の車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）に進路（しんろ）を変更（へんこう）することができる。

Ngay cả trên những con đường đã được phân chia thành các loại phương tiện khác nhau, khi đang lái xe, nếu xe cứu thương tiến tới gần, bạn có thể thay đổi làn đường để nhường đường cho xe cứu thương.

他の車（くるま）に追越（おいこ）されるとき、相手（あいて）に追越（おいこ）しをするための十分（じゅうぶん）な余地（よち）がない場合は、できるだけ右（みぎ）に寄（よ）り、進路（しんろ）をゆずらなければならない。

Khi bị xe khác vượt（くるま）trong khi lái xe, nếu không có đủ khoảng trống để vượt lại（おいこ）đối tác（あいて）, bạn phải cố gắng đi sát bên phải（みぎ）và nhường đường（しんろ）cho họ.

普通自動車（ふつうじどうしゃ）には非常信号用具（ひじょうしんごうようぐ）として、発炎筒（はつえんとう）、赤色懐中電灯（せきしょくかいちゅうでんとう）などを備えておかなければならない。

Xe ô tô thông thường phải được trang bị các thiết bị tín hiệu khẩn cấp như ống pháo sáng（はつえんとう）và đèn pin màu đỏ（せきしょくかいちゅうでんとう）.

この二つの標識は、同じ意味を表している。
Hai biển báo này biểu thị cùng một ý nghĩa.



踏切内（ふみきりない）では、エンストを防止（ぼうし）するため、発進（はっしん）したときの高速（こうそく）ギアのまま一気に（いっき）に通過（つうか）するのがよい。

Trong khu vực chắn đường tàu (ふみきりない), để tránh bị tắc máy, tốt nhất là đi qua ngay từ đầu khi khởi động và giữ nguyên số cao (こうそく) trên hộp số.

道路（どうろ）が渋滞（じゅうたい）しているときは、路側帯（ろそくたい）を通行（つうこう）してもよい。

Khi đường (どうろ) đang kẹt xe (じゅうたい), bạn có thể đi qua làn đường bên lề (ろそくたい).